



CHIẾN TRANH KINH TẾ MỸ – NGA TRONG CHIẾN TRANH LẠNH 2.0: TRỪNG PHẠT, PHÂN MẢNH VÀ CỤC BỘ HÓA TOÀN CẦU

Võ Thị Kim Thảo, Lê Vũ Thảo My, Hoàng Anh Thư, Nguyễn Thu Hằng

Khoa Quốc tế, Đại học Huế, 01 Điện Biên Phủ, tp. Huế, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: **Võ Thị Kim Thảo** <votkimthao@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 11-03-2026; Ngày chấp nhận đăng: 31-03-2026)

Tóm tắt: Trên cơ sở sử dụng cách tiếp cận phân tích định tính kết hợp với nghiên cứu trường hợp (case study), bài viết phân tích cuộc chiến tranh kinh tế giữa Mỹ và Nga trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và sự hình thành của “Chiến tranh Lạnh 2.0”. Trọng tâm của nghiên cứu là các biện pháp trừng phạt kinh tế quy mô lớn do Mỹ và phương Tây áp đặt lên Nga sau xung đột Nga – Ukraine năm 2022, bao gồm trừng phạt tài chính, hạn chế thương mại, kiểm soát công nghệ và cô lập hệ thống thanh toán quốc tế. Bài viết đánh giá tác động của các biện pháp này đối với nền kinh tế Nga cũng như những hệ quả rộng hơn đối với cấu trúc của hệ thống kinh tế toàn cầu. Đồng thời, nghiên cứu phân tích các chiến lược thích ứng của Nga như thúc đẩy phi đô la hóa, mở rộng thanh toán bằng đồng nội tệ, tăng cường hợp tác kinh tế trong khuôn khổ BRICS và mở rộng quan hệ với các nước Nam bán cầu. Từ đó, bài viết lập luận rằng cuộc đối đầu kinh tế Mỹ – Nga không chỉ là công cụ gây sức ép trong xung đột địa – chính trị, mà còn phản ánh xu hướng chuyển dịch của trật tự kinh tế thế giới từ mô hình toàn cầu hóa tự do sang trạng thái phân mảnh theo các khối địa – chính trị. Trong bối cảnh đó, hiệu quả của trừng phạt kinh tế và vai trò lãnh đạo của phương Tây trong hệ thống kinh tế quốc tế đang đứng trước nhiều thách thức mới.

Từ khóa: Chiến tranh kinh tế; trừng phạt kinh tế; Mỹ – Nga; phân mảnh kinh tế toàn cầu; Chiến tranh Lạnh 2.0

THE U.S. – RUSSIA ECONOMIC WAR IN COLD WAR 2.0: SANCTIONS, FRAGMENTATION, AND GLOBAL REGIONALIZATION

Vo Thi Kim Thao, Le Vu Thao My, Hoang Anh Thu, Nguyen Thu Hang

Hue University, International School, 01 Dien Bien Phu Str, Hue, Vietnam

*Correspondence to **Vo Thi Kim Thao** <votkimthao@gmail.com>

(Received: March 11, 2026; Accepted: March 31, 2026)

Abstract: This article examines the economic confrontation between the United States and Russia within the broader context of great-power competition and the emerging framework often described as “Cold War 2.0.” The study focuses on the unprecedented economic sanctions imposed by the United States and its Western allies on Russia following the Russia – Ukraine conflict in 2022, including financial sanctions, trade restrictions, technology controls, and exclusion from major international payment systems. The article assesses the impact of these sanctions on the Russian economy and analyzes their broader implications for the global economic system. At the same time, it explores Russia’s strategic responses, such as promoting de-dollarization, expanding the use of national currencies in international transactions, strengthening economic cooperation within the BRICS framework, and deepening ties with countries in the Global South. The study argues that the U.S. – Russia economic confrontation represents not only a geopolitical instrument of pressure but also a manifestation of structural shifts in the global economic order. These developments signal a transition from a liberal, highly integrated globalization model toward a more fragmented system shaped by geopolitical blocs and strategic alliances. In this context, the effectiveness of economic sanctions and the leadership role of the Western-led economic order are increasingly being questioned.

Keywords: economic warfare; economic sanctions; U.S. – Russia relations; global economic fragmentation; Cold War 2.0

I. Mở đầu

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng gay gắt, xung đột quốc tế không còn giới hạn trong lĩnh vực quân sự hay an ninh truyền thống, mà ngày càng dịch chuyển sang mặt trận kinh tế. Các công cụ như trừng phạt tài chính, kiểm soát thương mại, hạn chế công nghệ và thao túng chuỗi cung ứng đã trở thành những vũ khí trung tâm trong chiến lược đối ngoại của nhiều quốc gia, đặc biệt là Mỹ và Liên minh châu Âu (EU). Hiện tượng này thường được khái niệm hóa dưới thuật ngữ “chiến tranh kinh tế”.

Cuộc xung đột Nga – Ukraine từ năm 2022 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình này. Khác với các vòng trừng phạt trước đó, Mỹ và EU đã triển khai một hệ thống trừng phạt toàn diện và có quy mô chưa từng có nhằm vào Nga, bao gồm việc loại Nga khỏi hệ thống thanh toán Tổ chức Viễn thông Tài chính liên ngân hàng thế giới (SWIFT), đóng băng dự trữ ngoại hối, cấm vận năng lượng, hạn chế xuất khẩu công nghệ cao và cô lập tài chính. Những biện pháp này không chỉ nhằm làm suy yếu năng lực chiến tranh của Nga, mà còn phản ánh tham vọng tái cấu trúc trật tự kinh tế toàn cầu theo hướng phục vụ mục tiêu địa – chính trị của phương Tây. Trước áp lực trừng phạt, Nga không đứng yên mà từng bước triển khai các chiến lược đối phó như phi đô la hóa, tăng cường giao dịch bằng đồng nội tệ, mở rộng hợp tác trong khuôn khổ Các nền kinh tế mới nổi lớn (BRICS), và thúc đẩy quan hệ kinh tế với các quốc gia phía Nam bán cầu. Những phản ứng này cho thấy trật tự kinh tế toàn cầu đang dịch chuyển từ mô hình toàn cầu hóa tự do sang một cấu trúc phân mảnh địa – chính trị, trong đó các dòng chảy thương mại, tài chính và công nghệ ngày càng bị chi phối bởi liên minh chính trị và lợi ích chiến lược.

Bài viết này nhằm phân tích cuộc chiến tranh kinh tế Mỹ – Nga như một trụ cột quan trọng của Chiến tranh Lạnh 2.0, tập trung vào hai nội dung chính (cũng là hai khoảng trống nghiên cứu): (1) tác động của các gói trừng phạt phương Tây đối với nền kinh tế Nga và hệ thống kinh tế quốc tế, và (2) phản ứng chiến lược của Nga trong bối cảnh trật tự kinh tế toàn cầu đang bị phân mảnh. Qua đó, bài viết đặt ra câu hỏi cốt lõi: liệu trừng phạt kinh tế có còn là công cụ hiệu quả trong một thế giới đang ngày càng “cục bộ hóa”, hay chính chúng đang góp phần thúc đẩy sự suy yếu của trật tự kinh tế tự do do phương Tây dẫn dắt?

1. Cơ sở lý thuyết: Chiến tranh kinh tế và quyền lực kinh tế

1.1. Khái niệm chiến tranh kinh tế

Xuân suốt tiến trình lịch sử, kinh tế gần như thể hiện vai trò cốt lõi trong việc kìm hãm hay củng cố sức mạnh tổng hợp của một quốc gia. Điều này được lý giải bởi kinh tế là yếu tố cần để các quốc gia thực hiện hoá các mục tiêu chiến lược thông qua phát động chiến tranh, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu hay tham gia vào các diễn đàn, tổ chức quốc tế. Cũng chính vì vậy, chiến tranh kinh tế cũng trở thành công cụ chiến lược nhằm đạt được các mục tiêu chính trị của mỗi quốc gia. Trên thực tế, các cường quốc, bên cạnh chiến tranh quân sự, còn sử dụng kinh tế như một công cụ quyền lực cứng để tác động lên đối thủ hay thậm chí cục diện quốc tế. Điều này không chỉ giúp các quốc gia này thể hiện được sức mạnh tổng hợp, khẳng định vị thế quốc tế, mà còn trực tiếp tham gia điều chỉnh hành vi của đối thủ, đồng minh và quan hệ quốc tế.

Có nhiều định nghĩa khác nhau nhằm khái quát hoá chiến tranh kinh tế. Về cơ bản, chiến tranh kinh tế là nỗ lực làm suy yếu nền kinh tế của một quốc gia nhằm giảm thiểu hoặc loại bỏ

khả năng gây chiến của quốc gia đó [17]. Chiến tranh kinh tế bao gồm phòng thủ và tấn công kinh tế, cho rằng bên cạnh tấn công, chiến tranh kinh tế còn bao gồm củng cố nguồn lực cũng như giảm thiểu tối đa thiệt hại của mình và các nước đồng minh xuyên suốt cuộc chiến thương mại [28]. Cụ thể, các hoạt động tấn công kinh tế thường bao gồm phong toả, tác động các quốc gia trung lập bằng cách gây sức ép lên chính phủ, tẩy chay doanh nghiệp của các quốc gia này, thao túng dòng chảy thương mại quốc tế, hay làm suy giảm niềm tin kinh tế trong xã hội quốc gia đối thủ. Trong khi đó, các chính sách tấn công bao gồm tăng cường khả năng tự cung tự cấp, bảo vệ hoạt động xuất – nhập khẩu, duy trì nguồn ngoại hối cũng như tìm kiếm hệ thống thương mại thay thế.

Tóm lại, chiến tranh kinh tế là một loạt chính sách nhằm kìm hãm nền kinh tế quốc gia đối thủ để loại bỏ khả năng phát động chiến tranh, trong khi củng cố nền kinh tế của mình và đồng minh cũng như chính sách thoát khỏi các lệnh trừng phạt kinh tế. Trong bối cảnh đó, kinh tế không chỉ đóng vai trò nền tảng của quốc gia mà còn được vận dụng như một hình thức quyền lực cứng nhằm gây tổn hại, cưỡng ép và định hình hành vi của các quốc gia khác trong hệ thống quốc tế.

1.2. *Quyền lực kinh tế trong quan hệ quốc tế và xu hướng phân mảnh địa chính trị*

Như vậy, quyền lực kinh tế có vai trò nền tảng trong sức mạnh tổng hợp của một quốc gia. Tuy nhiên, trong xu hướng toàn cầu hoá hiện nay, nơi mà các quốc gia và khu vực có sự kết nối chặt chẽ thông qua các hiệp định, hợp đồng chính trị – kinh tế, chủ quyền kinh tế của các quốc gia trở nên mong manh hơn bao giờ hết. Sự suy giảm này được thể hiện qua ba cơ chế: (1) các cú sốc xuyên biên giới gây rối loạn nội tại; (2) sự ràng buộc lẫn nhau làm hạn chế hiệu quả của chính sách kinh tế quốc gia; và (3) các chính sách cạnh tranh nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia có thể tạo ra xung đột mới. Những cơ chế này cho thấy kinh tế quốc tế không chỉ là không gian hợp tác, mà còn là cấu trúc sản sinh quyền lực và đối đầu.

Trên phương diện công cụ, học giả Mỹ David A. Baldwin (1985) trong cuốn sách “Economic Statecraft” (*Tạm dịch: Chính sách kinh tế nhà nước*) mô tả việc sử dụng các chính sách hoặc công cụ kinh tế của một quốc gia để thúc đẩy các mục tiêu ngoại giao tương ứng và tối đa hóa lợi ích quốc gia. Công cụ này có thể mang tính tích cực (viện trợ, ưu đãi thương mại, đầu tư) hoặc tiêu cực (trừng phạt, cấm vận, kiểm soát xuất khẩu). Trong thực tiễn, cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều vận dụng các công cụ này để thúc đẩy lợi ích chiến lược của mình, cho thấy kinh tế ngày càng trở thành phương tiện trung tâm của cạnh tranh quyền lực. Cụ thể, các lệnh cấm vận dầu mỏ do thế giới Ả Rập áp đặt lên phương Tây trong những năm 1970 và lệnh cấm vận lương thực áp đặt lên Liên Xô bởi Mỹ (để phản đối sự can thiệp vào Afghanistan của Liên Xô). Trong những sự kiện này, các nguồn lực kinh tế đã được sử dụng như công cụ và vũ khí trong các cuộc đấu tranh chính trị quốc tế [18].

Trong điều kiện toàn cầu hóa sâu rộng và mạng lưới xuyên quốc gia phức tạp, quyền lực kinh tế không chỉ dừng lại ở việc sử dụng công cụ chính sách đơn lẻ. Trên thực tế, tình trạng phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế đang khiến cho các quốc gia tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu trở nên nhạy cảm và dễ tổn thương hơn. Trên nền tảng đó, một số quốc gia sử dụng mạng lưới kết nối dày đặc này để gây sức ép lên đối thủ cạnh tranh. Nghiên cứu của Farrell và Newman (2019) gọi hiện tượng này là sự phụ thuộc lẫn nhau được vũ khí hóa, lập luận rằng các quốc gia kiểm soát các “nút trung tâm” trong mạng lưới tài chính [6], thương mại và công nghệ toàn cầu có thể khai thác sự phụ thuộc bất cân xứng để giám sát hoặc bóp nghẹt các đối thủ, cho phép các quốc gia trung tâm chuyển hóa phụ thuộc lẫn nhau thành công cụ cường chế chiến lược của mình.

Trường hợp Mỹ và Nga sau năm 2022 là một minh họa rõ nét cho cơ chế này. Với vị thế trung tâm trong hệ thống tài chính toàn cầu thông qua vai trò của đồng USD và ảnh hưởng trong hệ thống thanh toán quốc tế, Mỹ đã khai thác sự phụ thuộc của Nga vào các mạng lưới tài chính và công nghệ phương Tây thông qua việc đóng băng dự trữ ngoại hối, hạn chế tiếp cận hệ thống thanh toán và áp đặt kiểm soát xuất khẩu công nghệ cao cho thấy quyền lực kinh tế không chỉ nằm ở quy mô nguồn lực vật chất mà còn ở khả năng kiểm soát các cấu trúc mạng lưới xuyên quốc gia, nơi phụ thuộc lẫn nhau có thể bị vũ khí hóa phục vụ mục tiêu địa chính trị.

Sau Chiến tranh Lạnh, toàn cầu hóa sâu được đặc trưng bởi sự mở rộng của các mạng lưới thương mại, tài chính và sản xuất xuyên quốc gia, với đồng USD giữ vai trò hạ tầng trung tâm của hệ thống thanh toán và dự trữ quốc tế. Tuy nhiên, khi các mạng lưới này bị “vũ khí hóa”, sự phụ thuộc không còn chỉ là cơ chế hợp tác mà trở thành nguồn rủi ro chiến lược. Việc đóng băng dự trữ ngoại hối, hạn chế tiếp cận thanh toán và kiểm soát công nghệ cho thấy các “nút trung tâm” của kinh tế toàn cầu có thể bị khai thác phục vụ mục tiêu địa chính trị.

Đặc biệt sau các cú sốc, đại dịch COVID-19 và chiến dịch quân sự của Nga vào Ukraine, các quốc gia đang đánh giá lại các đối tác thương mại của mình dựa trên những lo ngại về kinh tế và an ninh quốc gia. Các biện pháp hạn chế xuất khẩu y tế và lương thực trong đại dịch, xu hướng chuyển sang nước đối tác và đưa hoạt động kinh doanh về nước gần nhà trong chuỗi cung ứng, cùng việc gia tăng kiểm soát Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong lĩnh vực công nghệ chiến lược phản ánh sự dịch chuyển từ logic thị trường sang logic địa chính trị [8], [14]. Dòng vốn đầu tư và thương mại ngày càng có xu hướng phân tuyến theo các khối chính trị. Hiệu ứng này được gọi là hiệu ứng phân mảnh địa chính trị. Sự phân mảnh địa chính trị đề cập đến quá trình hợp tác và hội nhập toàn cầu suy giảm, dẫn đến sự hình thành các khối chính trị và kinh tế riêng biệt. Các quốc gia tìm cách giảm phụ thuộc vào các hạ tầng tài chính và công nghệ do đối thủ kiểm soát, đa dạng hóa dự trữ ngoại hối, thúc đẩy thanh toán bằng nội tệ trong các khối hợp tác như BRICS, và tái cấu trúc chuỗi cung ứng theo tiêu chí chính trị – an ninh.

Khi niềm tin vào tính công bằng của hệ thống thương mại toàn cầu dần suy giảm, theo báo cáo của IMF (2023) chỉ ra rằng, sự gia tăng các tranh cãi liên quan đến trợ cấp công nghiệp, thao túng tiền tệ, tối ưu hóa thuế và tiêu chuẩn lao động không đồng đều. Nhận thức về cạnh tranh không công bằng và sự bất đối xứng trong hệ thống đã thúc đẩy các chính sách bảo hộ và làm suy yếu cơ chế thương mại đa phương. Đây không phải là sự kết thúc hoàn toàn của toàn cầu hóa, mà là sự tái cấu trúc quyền lực trong lòng toàn cầu hóa, nơi hội nhập kinh tế ngày càng bị điều chỉnh bởi cạnh tranh địa chính trị.

2. Các gói trừng phạt Mỹ – Liên minh châu Âu EU đối với Nga

2.1. Mục tiêu chiến lược của trừng phạt

Trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc, trừng phạt kinh tế ngày càng được xem như một công cụ quan trọng của chiến tranh kinh tế trong quan hệ quốc tế. Sau khi xung đột Nga – Ukraine bùng nổ, Mỹ và EU đã triển khai hàng loạt gói trừng phạt quy mô lớn nhằm vào hệ thống tài chính, thương mại và công nghệ của Nga. Các biện pháp này không chỉ mang tính răn đe kinh tế đơn thuần mà còn phản ánh nỗ lực sử dụng quyền lực cấu trúc của phương Tây để gây sức ép chiến lược lên Nga. Trên cơ sở đó, các gói trừng phạt hướng tới những mục tiêu chiến lược cụ thể.

Thứ nhất, các biện pháp trừng phạt của Mỹ và đồng minh nhắm vào Nga có thể làm suy yếu năng lực chiến tranh của Nga. Trong khi Mỹ nỗ lực duy trì quyền bá chủ toàn cầu, thì Nga thúc đẩy chủ nghĩa xét lại nhằm cạnh tranh quyền bá chủ. Sự mâu thuẫn trong mục tiêu chiến lược khiến các quốc gia thúc đẩy các hành vi khiêu khích, bao gồm Mỹ chủ trương mở rộng Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) về phía Đông, rút khỏi Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo, triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa của Mỹ tại Ba Lan và Romania trong khuôn khổ NATO,...

Như vậy, biện pháp trừng phạt của Mỹ không chỉ nhằm vào mục tiêu suy giảm kinh tế, mà còn là một trong các công cụ chiến lược để làm suy giảm năng lực chiến tranh của Nga. Trên thực tế, chiến tranh quân sự hiện đại yêu cầu năng lực tài chính của nhà nước, năng lực công nghiệp quốc phòng, khả năng tiếp cận công nghệ hay chuỗi cung ứng toàn cầu. Do đó, các biện pháp trừng phạt kinh tế của Mỹ và đồng minh ảnh hưởng trực tiếp lên khả năng huy động vốn và ngoại tệ, làm đứt gãy chuỗi cung ứng thiết bị sản xuất vũ khí, từ đó gia tăng chi phí chiến tranh, đẩy Nga vào thế khó khăn trong việc phát động xung đột hay điều chỉnh hành vi quân sự, ảnh hưởng tới Mỹ và các nước đồng minh.

Thứ hai, các biện pháp trừng phạt của Mỹ và đồng minh có thể gây ra bất ổn kinh tế – xã hội trong nội bộ nước Nga. Việc cấm vận xuất – nhập khẩu đối với Nga trước nhất có thể gây

tác động lên giá cả tiêu dùng, chẳng hạn lương thực. Trên thực tế, sự đa dạng của thực phẩm tại Nga bị thu hẹp và giá lương thực tăng cao sau lệnh trừng phạt của Mỹ và các nước Tây Âu sau sự kiện sát nhập bán đảo Crimea [35]. Đồng thời, việc hàng loạt doanh nghiệp phương Tây rút gọn thị trường Nga đã khiến cho tỷ lệ thất nghiệp ở quốc gia này tăng mạnh, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và an sinh xã hội trong nước [12]. Các lệnh trừng phạt này cũng hướng đến các tầng lớp trung lưu trong xã hội Nga, khi mà các chính sách rắn đe này hạn chế khả năng di chuyển, lưu trú, thanh toán quốc tế, tạo ra sự xáo trộn trong cuộc sống tại Nga.

Không chỉ gây tác động đến các cá nhân tiêu dùng, các biện pháp trừng phạt kinh tế còn nhắm đến giới tinh hoa trong xã hội Nga. Kể từ khi áp lệnh trừng phạt, các doanh nghiệp Nga gặp khó khăn trong việc tiếp tục các hoạt động kinh doanh của mình bởi lệnh cấm vận, đóng băng tài sản trung ương cũng như hạn chế khả năng tiếp cận dòng vốn ngoại tệ. Các doanh nghiệp này cũng chật vật cân bằng mâu thuẫn giữa thể chế và áp lực từ môi trường bên ngoài [7]. Những thách thức này một mặt đặt gánh nặng lên hệ thống tài khoá, khi nhà nước phải viện trợ kinh tế cho doanh nghiệp nội địa, đồng thời thúc đẩy lãnh đạo doanh nghiệp gây áp lực lên chính phủ trong việc thay đổi hành vi quốc tế nhằm xoa dịu các quốc gia và liên minh đang áp đặt trừng phạt, từ đó gián tiếp điều chỉnh hành vi của Nga đối với xung đột quốc tế [21]. Như vậy, các chính sách trừng phạt kinh tế này nhắm đến mục tiêu gây nhiễu loạn trong nội bộ quốc gia, từ đó gây xáo trộn và làm suy yếu nền kinh tế – xã hội nước Nga.

Cuối cùng, các gói trừng phạt của Mỹ và EU đối với Nga còn mang ý nghĩa chiến lược trong việc tăng cường năng lực rắn đe và khẳng định vai trò lãnh đạo của Mỹ trong trật tự quốc tế. Trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc ngày càng gia tăng, việc Washington dẫn dắt các biện pháp trừng phạt quy mô lớn đối với Nga phản ánh nỗ lực duy trì vị thế của mình như một “sen đầm” trong hệ thống quốc tế, thông qua việc điều phối phản ứng tập thể của các quốc gia phương Tây trước các thách thức địa chính trị. Đồng thời, quá trình phối hợp triển khai trừng phạt giữa Mỹ, EU và các đối tác như Anh, Nhật Bản hay Canada cũng góp phần củng cố mức độ gắn kết trong khối phương Tây. Sự đồng bộ trong các chính sách tài chính, thương mại và kiểm soát công nghệ không chỉ gia tăng hiệu quả của các biện pháp trừng phạt mà còn cho thấy khả năng điều phối chiến lược của Mỹ đối với mạng lưới đồng minh. Qua đó, các gói trừng phạt không chỉ nhằm gây sức ép lên Nga mà còn giúp tái khẳng định vai trò trung tâm của Mỹ trong việc định hình phản ứng của phương Tây trước các khủng hoảng quốc tế.

2.2. *Các biện pháp trừng phạt*

Để đạt được các mục tiêu chiến lược, Mỹ đã thực hiện hàng loạt các biện pháp trừng phạt trên nhiều khía cạnh kinh tế.

Trong khía cạnh tài chính – tiền tệ, các nước phương Tây đã trực tiếp loại các ngân hàng Nga ra khỏi hệ thống SWIFT – hệ thống liên lạc giữa 11,000 ngân hàng trên hơn 200 quốc gia và

vùng lãnh thổ. Cùng với Iran và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, hàng loạt ngân hàng Nga bị loại khỏi SWIFT như một động thái của phương Tây nhằm hạn chế kết nối thương mại quốc tế của Nga. Trong quá khứ, các lệnh trừng phạt kinh tế, bao gồm loại khỏi SWIFT đã khiến Iran mất một nửa doanh thu dầu mỏ và sụt giảm 30% thương mại quốc tế [32]. Dù được dự đoán không thiệt hại nặng nề giống Iran, việc bị loại bỏ khỏi SWIFT cũng đã gây ra xáo trộn trong nền kinh tế Nga, đặc biệt trong hoạt động xuất – nhập khẩu năng lượng vốn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Nga. Việc bị loại khỏi SWIFT đã buộc Nga phải sử dụng các kênh liên lạc khác, chẳng hạn Telex, bị cho là tốn kém và kém hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, việc đóng băng dự trữ ngoại hối của Ngân hàng Trung ương Nga cũng tác động trực tiếp lên khả năng tài trợ chiến tranh cũng như ổn định tỷ giá và đồng ngoại tệ. Trong xung đột Nga – Ukraine, các nước phương Tây quyết định đóng băng 300 tỷ USD của Ngân hàng Trung ương Nga, khiến nước này không thể sử dụng lượng ngoại tệ đó để bán ra thị trường, làm giảm bớt khả năng can thiệp vào thị trường tiền tệ để bảo vệ đồng Rúp; hạn chế khả năng tài trợ cho cuộc chiến và làm suy yếu sự ổn định tài chính quốc gia [33]. Như vậy, hệ thống tài chính toàn cầu đã được sử dụng như một công cụ quyền lực cứng của Mỹ và các nước Tây Âu nhằm đạt được các mục tiêu chính trị.

Đối với khía cạnh thương mại và công nghệ, các nước phương Tây thực hiện cấm vận nhằm hạn chế thương mại, chuyển giao công nghệ cũng như xuất – nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu cho dân dụng, sản xuất và quân sự. Theo đó, chính sách kiểm soát xuất khẩu đối với Nga thể hiện mục tiêu cô lập công nghệ toàn diện trên cấp độ đa phương [5]. Mỹ không chỉ thắt chặt cấp phép đối với các mặt hàng chiến lược như hàng không, hàng hải và điện tử, mà còn mở rộng kiểm soát sang cả những sản phẩm được sản xuất tại nước thứ ba nếu trong quá trình sản xuất có sử dụng công nghệ hoặc phần mềm có nguồn gốc từ Mỹ và được xuất khẩu sang Nga. Đồng thời, Mỹ cũng liệt kê các quốc gia đồng minh cam kết tuân thủ các kiểm soát trên (EU, Australia, Canada, Nhật Bản, Anh,...) vào danh sách loại trừ nhằm tạo ra một mạng lưới bền chặt chống Nga.

Đồng thời, các nước châu Âu tiếp tục siết chặt hoạt động kiểm soát xuất khẩu hàng hóa lưỡng dụng, tức hàng phục vụ mục đích dân sự nhưng có thể được sử dụng để phát triển hoặc sản xuất vũ khí. Trên thực tế, EU đã mở rộng danh sách các mặt hàng lưỡng dụng bị cấm xuất nhập khẩu đến Nga, bao gồm máy bay không người lái, thiết bị mã hoá, chất bán dẫn, hoá chất, và các máy móc công nghiệp khác [5]. Đến tháng 9/2025, EU đã triển khai các gói trừng phạt liên tiếp (từ 14 đến 18), tăng cường kiểm soát trong các lĩnh vực năng lượng, tài chính, vận tải và thương mại; gói trừng phạt 19 có hiệu lực từ ngày 01/01/2027 siết chặt hơn nữa việc nhập khẩu khí hóa lỏng (LNG), vốn là một mặt hàng trọng yếu trong thương mại Nga – EU [34]. Ngoài ra, các nhà xuất khẩu EU phải đưa vào hợp đồng điều khoản cấm tái xuất khẩu một số hàng hóa nhạy cảm sang Nga hoặc sử dụng tại Nga nhằm chống lại các công ty ở nước thứ ba giúp Nga lẩn tránh lệnh cấm vận [36].

Cuối cùng, các nước phương Tây thực hiện hàng loạt chính sách nhằm ngăn chặn Nga tiếp cận với các dịch vụ công nghệ thông tin và phần mềm. Sắc lệnh 14071 được Bộ Tài chính Mỹ ban hành vào tháng 9/2024 nghiêm cấm cung cấp một số dịch vụ IT cho bất kỳ cá nhân hoặc thực thể nào tại Nga, bao gồm dịch vụ tư vấn và thiết kế IT, hỗ trợ IT và dịch vụ đám mây [1]. Cũng trong giai đoạn này, Cục Công nghiệp và An ninh Mỹ thông qua các biện pháp mới nhằm hạn chế việc Nga tiếp cận phần mềm. Cụ thể, nhiều hệ thống phần mềm phải có giấy phép trước khi được xuất khẩu sang Nga, bao gồm thiết kế hỗ trợ máy tính, hệ thống quản lý cho doanh nghiệp, chuỗi cung ứng, kho dữ liệu, phần mềm quản lý máy móc, dự án [30]... Trên thực tế, việc ngăn chặn Nga tiếp cận công nghệ đánh thẳng vào nền kinh tế cũng như khả năng duy trì cuộc chiến của nước này, khi trong nhiều năm qua, Nga vẫn luôn bị đánh giá là phụ thuộc vào nhập khẩu công nghệ nghiêm trọng, khi mà ít nhất 43.9% nhập khẩu công nghệ của Nga đến từ Mỹ và các nước đồng minh [2]. Việc hạn chế khả năng tiếp cận dịch vụ và hàng hoá công nghệ có thể gây ra tổn thương nghiêm trọng cho Nga, buộc quốc gia này phải quay lại sử dụng các công nghệ nội địa, vốn lạc hậu và tốn kém hơn [9]. Điều này không chỉ tác động đến doanh nghiệp, các nhà đầu tư và toàn bộ ngành công nghiệp Nga, mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng trang bị vũ khí phục vụ chiến trường tại Ukraine, từ đó làm suy yếu khả năng duy trì cuộc chiến.

Trong khía cạnh xuất nhập khẩu năng lượng vốn chiếm lĩnh ngành thương mại nước Nga, phương Tây một mặt nỗ lực hạn chế khả năng xuất khẩu năng lượng, một mặt tìm kiếm các nguồn năng lượng thay thế để phục vụ nhu cầu nội địa. Trong nhiều năm qua, Nga đóng vai trò là nhà cung cấp dầu thô và các nhiên liệu hóa thạch hàng đầu thế giới, khi xuất khẩu dầu khí và khí gas tự nhiên chiếm đến một nửa ngân sách liên bang của nước này [31]. Vì vậy, việc áp lệnh trừng phạt lên lĩnh vực năng lượng là một chiến lược tuy mạo hiểm đối với cả những quốc gia phương Tây vốn phụ thuộc vào năng lượng từ Nga, song có thể gây ra mức độ ảnh hưởng sâu rộng đến toàn bộ nền kinh tế nước Nga.

Đầu tiên, các nước phương Tây áp lệnh cấm vận và hạn chế nhập khẩu dầu từ Nga. Sau tháng 02/2022, khi xung đột Nga – Ukraine bùng nổ, EU và Mỹ từng bước triển khai trừng phạt năng lượng nhằm thu hẹp nguồn thu của Nga. Trước hết, EU đình chỉ Nord Stream 2, dự án đường ống dẫn khí trực tiếp từ Nga sang Đức qua biển Baltic, được thiết kế để tăng gấp đôi công suất trung chuyển khí đốt sang châu Âu, đồng thời cấm nhập khẩu than và dầu, áp cơ chế trần giá. Tiếp đó, trong giai đoạn 2023-2024, các biện pháp được mở rộng theo hướng siết kiểm soát vận chuyển, bảo hiểm và song song đẩy mạnh nhập LNG từ nguồn thay thế [13]. Trên cơ sở đó, kế hoạch REPowerEU (2025) đặt lộ trình chấm dứt hoàn toàn nhập khẩu khí đốt Nga vào năm 2027, qua đó cho thấy tiến trình trừng phạt được triển khai theo hướng hệ thống và dài hạn, thay vì chỉ là những bước đi rời rạc [13].

Đồng thời, các nước EU tiếp tục thông qua cơ chế áp trần giá dầu đối với năng lượng được sản xuất và vận chuyển từ Nga. Trong bối cảnh các biện pháp cấm nhập khẩu trực tiếp có nguy cơ đẩy giá dầu thế giới tăng vọt, cuối năm 2022, Nhóm G7 và EU đã triển khai cơ chế áp trần giá dầu đối với Nga. Theo đó, dầu thô Nga vẫn được phép lưu thông ra thị trường quốc tế, nhưng chỉ khi được bán dưới mức giá do phương Tây ấn định thì mới được tiếp cận các dịch vụ then chốt như vận tải biển, bảo hiểm và thanh toán, những lĩnh vực vốn do các công ty phương Tây chi phối [37]. Dù không chặn dòng chảy dầu, năng lượng của Nga vẫn bị siết chặt thông qua các cơ chế trung gian, buộc Nga chấp nhận bán rẻ hơn.

Gần đây, các nước EU đang tiến tới ngăn chặn hoàn toàn năng lượng từ Nga thông qua việc cấm hoàn toàn việc cung cấp bảo hiểm, tài chính, vận chuyển hoặc các dịch vụ hậu cần cho các lô hàng dầu mỏ của Nga, không bất kể giá bán. Thực tế, bảo hiểm hàng hải giữ vai trò như một điều kiện “cửa ngõ” để sản phẩm năng lượng có thể lưu thông qua các cảng lớn và tuyến vận tải chiến lược. Do đó, nếu lệnh trừng phạt này chính thức được thông qua, gần như mọi lô dầu của Nga không thể cập cảng hay đi qua các điểm nút vận chuyển quốc tế như Bosporus và kênh đào Suez, từ đó làm tăng chi phí giao dịch và rủi ro pháp lý cho toàn bộ chuỗi cung ứng. Biện pháp này được xem như đòn bẩy cấu trúc để siết nguồn thu chiến lược của Nga và thu hẹp phạm vi đối tác sẵn sàng mua dầu Moskva trong bối cảnh bất định pháp lý.

Tổng thể, các biện pháp trừng phạt của phương Tây đối với Nga được triển khai theo hướng đa tầng và có tính hệ thống, kết hợp giữa tài chính – tiền tệ, thương mại - công nghệ và năng lượng. Từ việc loại ngân hàng khỏi SWIFT, đóng băng dự trữ ngoại hối, đến kiểm soát xuất khẩu công nghệ và áp trần giá dầu, phương Tây đã tận dụng vị thế trung tâm trong cấu trúc kinh tế toàn cầu để tạo sức ép toàn diện. Thay vì chỉ phong tỏa trực tiếp, các biện pháp này chủ yếu nhắm vào khả năng tiếp cận thị trường, công nghệ và hạ tầng tài chính của Nga, qua đó từng bước làm suy giảm nguồn lực duy trì chiến tranh và tái định hình quan hệ kinh tế quốc tế.

2.3. *Hiệu quả thực tế và giới hạn của trừng phạt*

Thực tế, các lệnh trừng phạt của Mỹ và các nước đồng minh tới Nga đã gặp phải nhiều khó khăn trong việc thực thi một cách hiệu quả. Điều này góp phần ảnh hưởng đến kết quả của các chính sách này trong việc làm suy yếu nền kinh tế cũng như khả năng duy trì cuộc chiến của Nga.

Trong những năm đầu sau khi các lệnh trừng phạt được áp đặt, kinh tế Nga không suy giảm ngay lập tức như nhiều dự báo ban đầu. Số liệu chính thức cho thấy Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) Nga tăng khoảng 4,1% trong cả năm 2023 và 2024, một mức tăng trưởng gây bất ngờ trong bối cảnh trừng phạt [25]. Tuy nhiên, động lực tăng trưởng này không phản ánh sự phục hồi của khu vực tư nhân hay cải thiện năng suất dài hạn, mà chủ yếu bắt nguồn từ sự chuyển

dịch sang mô hình “kinh tế thời chiến”, trong đó chi tiêu ngân sách, đặc biệt cho tổ hợp công nghiệp quốc phòng, trở thành động lực chính của sản xuất và việc làm. Đồng thời, dự trữ vàng và ngoại hối của Nga vẫn đạt mức kỷ lục, khoảng 695,5 tỷ USD vào giữa năm 2025, bất chấp hơn 300 tỷ USD bị phong tỏa ở nước ngoài [15]. Thậm chí, nền kinh tế nước này đã vượt qua Canada và Brazil để trở thành nền kinh tế lớn thứ chín thế giới tính đến năm 2025.

Ngoài ra, các gói trừng phạt này cũng thể hiện các hạn chế. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, nơi mà thế giới được kết nối với nhau thông qua hàng loạt các hợp tác và thỏa thuận xuyên biên giới, những nỗ lực trong việc kiềm hãm sự phát triển kinh tế Nga cũng đồng thời tạo ra áp lực cho chính các quốc gia phương Tây. Cú sốc năng lượng từ sự gián đoạn nguồn cung Nga, nước xuất khẩu khí đốt lớn và dầu thô hàng đầu đã khiến giá dầu Brent vượt 100 USD/thùng và giá khí đốt châu Âu tăng gấp nhiều lần mức trung bình lịch sử. Hệ quả là lạm phát leo thang, sản xuất công nghiệp suy giảm mạnh, buộc một số nước tạm thời quay lại sử dụng than, làm lộ rõ tính dễ tổn thương của cấu trúc an ninh năng lượng châu Âu [20]. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế đã khiến các nước phương Tây không thể tối đa hoá các gói trừng phạt, đồng thời tạo xung đột trong nội bộ các quốc gia EU đối với các chính sách cấm vận.

Dù vậy, không thể phủ nhận những tác động nghiêm trọng của các gói trừng phạt quốc tế tới nền kinh tế và sức mạnh tổng hợp của nước Nga. Trên thực tế, trong những năm tiếp theo của cuộc chiến, Nga nhanh chóng đối diện với hàng loạt các thách thức trên đa lĩnh vực, kinh tế, công nghệ và vai trò chính trị.

Nhiều số liệu cho thấy sự xuống cấp rõ ràng trong mức chi tiêu của người dân Nga. Theo đó, thu nhập và chi tiêu hộ gia đình sụt giảm 4% và chi tiêu tiêu dùng giảm 3.5% trong năm qua [20]. Các nhóm ngành dân dụng cũng cho thấy sự xuống cấp nghiêm trọng khi doanh số xe thương mại giảm 38% năm 2025, chi tiêu nhà hàng chạm mức thấp nhất trong ba năm qua [22]. Cơ cấu chi tiêu công lệch hẳn về quốc phòng – tăng 17% từ 2021-2025; trong khi phúc lợi xã hội giảm 10%, giáo dục giảm 1,2 điểm, và y tế giảm 0,7% [22]. Thực trạng này phản ánh sự xuống cấp nghiêm trọng trong mức sống dân cư.

Nền kinh tế Nga cũng trở nên dễ tổn thương hơn sau hàng loạt lệnh cấm vận từ phương Tây. Việc phụ thuộc vào Trung Quốc để thích nghi với lệnh cấm vận từ phương Tây đã khiến nền kinh tế nước này mất an ninh nghiêm trọng. Thực tế, Trung Quốc trở thành khách hàng dầu thô lớn nhất của Nga (107 triệu tấn năm 2023; tăng hơn 324% so với 2010) và chiếm trên 30% tổng kim ngạch thương mại cho thấy sự tái cấu trúc quyền lực kinh tế theo hướng bất cân xứng [29]. Sự phụ thuộc này khiến Nga dễ chấp nhận các thỏa thuận bất lợi hơn để duy trì dòng tiền xuất khẩu. Về dài hạn, điều này làm gia tăng rủi ro chiến lược, khi nền kinh tế nước này phụ thuộc nặng nề vào một thị trường nhất định.

Các biện pháp trừng phạt tài chính – công nghệ không chỉ gây sức ép kinh tế thuần túy mà còn tái cấu trúc vị thế chiến lược của Nga trong hệ thống quốc tế. Trong lĩnh vực tài chính,

các biện pháp trừng phạt đã thu hẹp đáng kể không gian kinh tế đối ngoại của Nga. Việc bị loại khỏi hệ thống thanh toán quốc tế như SWIFT và đối mặt với trừng phạt thứ cấp khiến các giao dịch xuyên biên giới trở nên phức tạp, làm suy giảm khả năng tiếp cận mạng lưới tài chính toàn cầu và hạn chế dòng vốn thương mại. Ở trong nước, để kiềm chế lạm phát và bảo vệ đồng Rúp, Nga phải duy trì lãi suất trên 20%, tạo ra môi trường tín dụng đắt đỏ, bóp nghẹt khả năng tiếp cận vốn của khu vực doanh nghiệp dân sự và làm suy giảm động lực đầu tư dài hạn [3].

Trong lĩnh vực công nghệ, sự phụ thuộc kéo dài vào phần mềm và thiết bị nhập khẩu từ phương Tây bộc lộ rõ điểm yếu cấu trúc khi các kênh cung ứng bị cắt đứt. Các ngành then chốt như hàng không, ô tô và khai thác năng lượng phải đối mặt với thiếu hụt linh kiện, chi phí bảo trì tăng cao và năng suất suy giảm. Tình trạng thiếu lao động càng làm gia tăng áp lực chi phí mà không tạo ra giá trị gia tăng tương xứng [19]. Nhìn tổng thể, nền kinh tế Nga vẫn được duy trì nhờ tái phân bổ nguồn lực và chi tiêu thời chiến, song tính bền vững dài hạn ngày càng bị đặt dấu hỏi do những mất cân đối tài chính – công nghệ mang tính cấu trúc.

Như vậy, dù số liệu chỉ ra rằng nền kinh tế Nga vẫn tiếp tục tăng trưởng bất chấp chính sách trừng phạt từ phương Tây; trên thực tế, một nền kinh tế thời chiến, nơi mà chi tiêu nhà nước được tập trung vào quân sự thay vì giáo dục, an sinh xã hội, trở nên thiếu bền vững. Dòng vốn đầu tư nước ngoài suy giảm, hiện tượng dịch chuyển lao động trình độ cao ra nước ngoài gia tăng, và năng suất tổng hợp có nguy cơ bị xói mòn. Mặc dù Nga đã thúc đẩy các cơ chế thanh toán thay thế và mở rộng hợp tác với các đối tác ngoài phương Tây, những điều chỉnh này chủ yếu mang tính thích nghi ngắn hạn. Xét tổng thể, các biện pháp trừng phạt không tạo ra sự sụp đổ tức thời, nhưng đang tái cấu trúc nền kinh tế Nga theo hướng khép kín hơn, phụ thuộc hơn và tiềm ẩn rủi ro suy giảm tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

3. Chiến lược thích ứng của Nga dưới áp lực trừng phạt

Kể từ cuộc khủng hoảng với Ukraine, Nga đã trở thành quốc gia nhận nhiều lệnh trừng phạt nhất thế giới, với hơn 10.000 biện pháp trừng phạt từ Mỹ và các đồng minh phương Tây nhằm vào lĩnh vực tài chính, năng lượng, công nghệ. Đáp trả lại, Nga đã triển khai một loạt chiến lược thích ứng mang tính cấu trúc nhằm giảm mức độ tổn thương trước các công cụ “phụ thuộc lẫn nhau được vũ khí hóa” của phương Tây.

3.1. Chiến lược Phi đô la hóa

Một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược thích ứng của Nga trước sức ép trừng phạt từ phương Tây là nỗ lực giảm phụ thuộc vào hệ thống tài chính toàn cầu do Mỹ chi phối, đặc biệt là vai trò trung tâm của đồng USD. Theo nghiên cứu được công bố trên PubMed Central (2023), Nga đã bắt đầu quá trình tái cơ cấu dự trữ ngoại hối từ khá sớm. Cụ thể, đến tháng 7/2021, Nga đã cắt giảm tỷ trọng USD trong Quỹ Phúc lợi Quốc gia (NWF) xuống 0%, thay thế bằng các tài sản như đồng euro, đồng nhân dân tệ và vàng. Song song với đó, Nga

cũng bán gần như toàn bộ lượng trái phiếu kho bạc Mỹ, giảm khoảng 94% so với mức đỉnh trước đây. Những bước đi này phản ánh nỗ lực dài hạn của Moscow nhằm giảm mức độ dễ tổn thương trước các biện pháp trừng phạt tài chính của Washington.

Ngoài việc tái cấu trúc dự trữ, Nga còn thúc đẩy phi đô la hóa trong thương mại quốc tế trong lĩnh vực năng lượng, nguồn thu ngoại tệ chủ chốt của nền kinh tế. Moscow khuyến khích thanh toán đồng Rúp hoặc các đồng tiền thay thế USD trong giao dịch với các đối tác lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và các quốc gia thuộc Liên minh kinh tế Á – Âu (EAEU). Sau năm 2022, xu hướng này tăng tốc rõ rệt khi tỷ trọng thanh toán bằng Rúp và nhân dân tệ gia tăng đáng kể. Việc chuyển dịch sang các đồng tiền phi USD được xem như một biện pháp nhằm hạn chế tác động của các lệnh trừng phạt tài chính và giảm sự phụ thuộc vào các hạ tầng thanh toán do phương Tây kiểm soát.

Song song đó, Nga cũng thiết lập hệ thống thanh toán thẻ MIR và hệ thống chuyển tin nhắn tài chính SPFS¹ để duy trì hoạt động kinh tế khi bị cắt đứt khỏi hệ thống quốc tế và tạo nền tảng cơ sở tài chính trong quá trình đô la hóa. Bên cạnh đó, Nga đã liên tục tăng lượng vàng nắm giữ từ năm 2000, dự trữ vàng của Nga đã tăng gấp năm lần, và trong năm năm, bắt đầu từ năm 2014, đã tăng gấp đôi. Tính đến tháng 07/2022, dự trữ vàng của Nga là 2298,53 tấn. Chiến lược này giúp Nga lưu trữ toàn bộ số vàng này trong các kho tiền trong nước để tránh bị đóng băng tài sản ở nước ngoài.

Chiến lược phi đô la hóa của Nga không chỉ đơn thuần là điều chỉnh kỹ thuật trong quản lý dự trữ ngoại hối mà phản ánh một nỗ lực tái cấu trúc vị thế của Nga trong hệ thống tài chính quốc tế. Nga tìm cách giảm thiểu tác động của các công cụ trừng phạt tài chính và từng bước hình thành không gian tài chính ít phụ thuộc hơn vào hệ thống do phương Tây chi phối.

3.2. *Cục bộ hóa thông qua các cơ chế hợp tác*

Trước các lệnh trừng phạt tài chính – thương mại quy mô lớn từ phương Tây chi phối, Nga đã lựa chọn chiến lược thích nghi thông qua việc tái cấu trúc mạng lưới hợp tác kinh tế theo hướng “phi Tây hóa”. Sau khủng hoảng Ukraine, Moscow đã đẩy nhanh quá trình dịch chuyển sang các cơ chế hợp tác đa phương mới nổi, điển hình là BRICS.

Hiện nay, BRICS tập trung vào các ưu tiên chính như hợp tác tài chính và kinh tế, bao gồm nỗ lực phát triển một hệ thống thanh toán độc lập với đồng đô la Mỹ và tăng cường sử dụng tiền tệ quốc gia trong các giao dịch. BRICS thúc đẩy việc sử dụng chính đồng nội tệ của các thành viên trong giao dịch hàng hóa thay vì sử dụng USD làm trung gian [16]. Các sáng kiến tăng cường thanh toán bằng đồng nội tệ, mở rộng hợp tác tài chính và thảo luận về các cơ chế thanh toán thay thế đã góp phần tạo ra các kênh giao dịch song song với hệ thống do

¹ SPFS (System for Transfer of Financial Messages) là một hệ thống nhắn tin bảo mật, cho phép các ngân hàng và tổ chức tài chính chuyển các lệnh thanh toán và thông tin giao dịch xuyên biên giới mà không cần phải sử dụng cơ sở hạ tầng của SWIFT.

phương Tây kiểm soát. Sự sâu sắc hóa hợp tác kinh tế giữa các thành viên BRICS đã tạo điều kiện cho Nga tái định hướng dòng thương mại và đầu tư. Không những vậy, Nga tích cực tham gia các sáng kiến mở rộng BRICS với sự gia nhập của nhiều thành viên mới từ châu Á, châu Phi và Trung Đông như UAE, Iran, Ai Cập và Ethiopia [4]. Sự mở rộng đó phản ánh một quá trình tái cấu trúc không gian kinh tế toàn cầu theo hướng đa cực hơn, trong đó Nga chủ động gia tăng liên kết với các đối tác ngoài phương Tây để phân tán rủi ro địa chính trị.

3.3. *Tái cấu trúc thương mại và chuỗi cung ứng*

Với các lệnh trừng phạt sau năm 2022, Nga đẩy nhanh chiến lược “Xoay trục về phía Đông” (Pivot to the East), chuyển trọng tâm thương mại từ thị trường châu Âu sang Nam Á, Đông Á và Đông Nam Á. Vai trò trung tâm trong chiến lược này thuộc về Ấn Độ, và Moscow cũng tăng cường hợp tác với một số nước ASEAN vốn có lập trường thực dụng và kiềm chế tham gia các biện pháp trừng phạt của phương Tây. Ngày 25/9, Phó Thủ tướng Nga Dmitry Patrushev đã gặp Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi tại New Delhi, hai bên đã thảo luận về việc mở rộng hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, phân bón và cung cấp lương thực [24] – báo hiệu mong muốn chung duy trì quan hệ sâu rộng bất chấp các lệnh trừng phạt. Thêm vào đó, Nga và Ấn Độ cũng đang phát triển các hành lang giao thông thay thế để vượt qua lãnh thổ của các quốc gia bị trừng phạt. Dự án hàng đầu là Hành lang Vận tải Bắc – Nam Quốc tế (INSTC) kết nối Nga và Ấn Độ qua Iran bằng đường sắt và đường biển qua Caspian. Theo Robert Lansing Institute (2025), khối lượng hàng hóa trên tuyến đường này đã tăng gấp 1,7 lần vào năm 2024. Khối lượng hàng hóa qua tuyến này gia tăng cho thấy sự hình thành các tuyến thương mại thay thế ngoài không gian do phương Tây kiểm soát.

Bên cạnh đó, Nga tăng cường hợp tác với Iran trong lĩnh vực năng lượng và logistics như một phần của quá trình thích ứng. Cả hai quốc gia đều chịu các lệnh trừng phạt kéo dài của phương Tây, do đó có động lực chia sẻ kinh nghiệm né tránh trừng phạt và phối hợp trong quản lý dòng chảy dầu mỏ. Theo Báo cáo của Oil Price (2025) cho biết, Iran đã hoàn tất bốn thỏa thuận với các công ty Nga để phát triển bảy mỏ dầu ở Iran. Các thỏa thuận này có tổng giá trị đầu tư khoảng 4 tỷ USD, không chỉ vậy Iran và Nga cũng sẽ đặt mục tiêu tăng gấp đôi thương mại song phương hàng năm lên 10 tỷ USD. Sự hợp tác này giúp Nga đa dạng hóa tuyến vận chuyển, giảm rủi ro từ các tuyến hàng hải truyền thống chịu ảnh hưởng của phương Tây, đồng thời tăng khả năng tiếp cận thị trường châu Á và Nam Á [23].

Ở tầng sâu hơn, Nga tái cấu trúc chuỗi cung ứng năng lượng thông qua việc phát triển Tuyến đường biển phía Bắc (NSR) và dự án Vostok Oil, tạo ra các điểm xuất khẩu mới hướng sang thị trường châu Á. Tỷ lệ tàu chở dầu Nga được bảo hiểm và sở hữu bởi các nước G7 giảm đáng kể từ 76% (2022) xuống 56% (2023) [23] cho thấy Moscow đang từng bước thoát khỏi hệ sinh thái vận tải – tài chính phương Tây và xây dựng mạng lưới logistics thay thế. Việc xây dựng hạ tầng cảng Bắc Cực và đường ống mới phản ánh một quá trình tái cấu trúc chuỗi cung

ứng năng lượng mang tính dài hạn, giúp Nga giảm phụ thuộc vào các tuyến thương mại truyền thống chịu ảnh hưởng của phương Tây.

Ngoài hợp tác song phương, Nga cùng Iran và Trung Quốc thúc đẩy liên kết chiến lược ba bên nhằm củng cố không gian kinh tế – chính trị ngoài phương Tây. Thỏa thuận hợp tác toàn diện giữa ba nước, trong đó nhấn mạnh lập trường phản đối các cơ chế trừng phạt đơn phương và cơ chế “đảo ngược”² liên quan đến JCPOA [28], cho thấy xu hướng phối hợp thể chế giữa các nền kinh tế chịu áp lực trừng phạt. Sự hội tụ này không chỉ mang ý nghĩa chính trị mà còn tạo điều kiện mở rộng hợp tác tài chính, năng lượng và thanh toán bằng đồng nội tệ, qua đó góp phần hình thành các mạng lưới thương mại và tài chính song song với hệ thống do phương Tây chi phối.

Nhìn chung, việc Nga tái cấu trúc quan hệ thương mại và thúc đẩy liên kết chiến lược với Trung Quốc và Iran cho thấy một quá trình thích ứng mang tính cấu trúc trước áp lực trừng phạt phương Tây. Sự chuyển hướng này không chỉ nhằm duy trì dòng chảy năng lượng và tài chính, mà còn góp phần hình thành các mạng lưới kinh tế song song ngoài trật tự do phương Tây dẫn dắt phản ánh xu hướng phân mảnh ngày càng rõ nét của toàn cầu hóa, khi các trung tâm quyền lực tìm cách giảm thiểu phụ thuộc vào những “nút” có thể bị vũ khí hóa trong hệ thống quốc tế.

4. Tác động của chiến tranh kinh tế đến trật tự kinh tế toàn cầu

4.1. Phân mảnh chuỗi cung ứng toàn cầu

Trong thập niên vừa qua, đặc biệt sau cuộc xung đột Nga – Ukraine, thế giới đã chứng kiến sự suy giảm đáng kể của các chuỗi cung ứng toàn cầu vốn được thiết kế dựa trên tối ưu hóa chi phí và sự phụ thuộc vào các nút hạ tầng trung tâm tại phương Tây. Tính dễ tổn thương của nền kinh tế thế giới trước các cú sốc địa chính trị đã thúc đẩy sự nổi lên của các chiến lược như xu hướng chuyển sang xuất sang nước đối tác, phản ánh xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng theo tiêu chí chính trị và an ninh thay vì đơn thuần hiệu quả kinh tế. Báo cáo của Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA) vào tháng 02/2026 cho thấy trong tháng 1 giá dầu thô chuẩn tăng khoảng 10 USD/thùng do gián đoạn nguồn cung và căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ và Iran cũng như áp lực trừng phạt đến Nga. Sản lượng dầu của Nga giảm khoảng 350 nghìn thùng/ngày, khiến xuất khẩu sang Ấn Độ giảm xuống còn 1,1 triệu thùng/ngày so với mức trung bình 1,7 triệu thùng/ngày năm 2025, trong khi dòng chảy sang Trung Quốc tăng lên mức cao kỷ lục. Venezuela cũng ghi nhận mức giảm 210 nghìn thùng/ngày xuống còn 780 nghìn thùng/ngày, dù dự kiến phục hồi sau khi Mỹ nói lỏng một phần hạn chế xuất khẩu [11].

² Snapback là một cơ chế trong JCPOA, cho phép bất kỳ nước nào trong Nhóm P5+1 tham gia ký thỏa thuận hạt nhân năm 2015 với Iran có quyền đề xuất tái áp đặt các lệnh trừng phạt của LHQ đối với Tehran nếu như phát hiện quốc gia Hồi giáo này vi phạm các điều khoản trong thỏa thuận.

Những dịch chuyển này cho thấy thương mại năng lượng toàn cầu không bị sụp đổ hoàn toàn mà đang được tái định tuyến theo các trục chính trị mới. Cuộc chiến và các biện pháp trừng phạt của phương Tây đối với Nga và Belarus đã gây xáo trộn nghiêm trọng trên thị trường năng lượng và nông sản, trong bối cảnh nhiều quốc gia áp đặt lệnh cấm xuất khẩu phân bón và lương thực nhằm bảo vệ an ninh nội địa. Tại châu Âu, thị trường năng lượng rơi vào tình trạng biến động cao độ, làm gia tăng chi phí sản xuất và buộc các doanh nghiệp phải điều chỉnh chiến lược cung ứng. Báo cáo của IMF về các biện pháp hạn chế thương mại và dòng vốn cho thấy các hạn chế được thúc đẩy bởi cân nhắc an ninh quốc gia tăng mạnh từ năm 2020, đồng thời căng thẳng địa chính trị kéo dài đã làm gia tăng các hạn chế đối với FDI.

Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp ngày càng ưu tiên khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng, thậm chí chấp nhận tái định vị sản xuất trong nước hoặc sang các quốc gia đồng minh thay vì tối ưu hóa chi phí toàn cầu. Sự gia tăng đáng kể các thuật ngữ như “đưa hoạt động kinh doanh về nước gần nhà” và “tái đưa hoạt động sản xuất về trong nước” trong các báo cáo thường niên và cuộc gọi thu nhập của doanh nghiệp phản ánh rõ sự tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu theo định hướng an ninh, thay vì dựa trên nguyên tắc tối ưu hóa chi phí và lợi thế so sánh.

Những thay đổi này không chỉ phản ánh các cú sốc ngắn hạn lên thị trường dầu mỏ mà còn cho thấy một xu hướng tái cấu trúc lâu dài trong các chuỗi cung ứng sản xuất và logistics toàn cầu; các công ty và chính phủ, chịu ảnh hưởng từ chiến tranh kinh tế do Mỹ dẫn dắt chống lại Nga, đang định hình lại vị trí sản xuất, lựa chọn nguồn cung và mạng lưới phân phối nhằm giảm thiểu rủi ro địa chính trị như một sự chuyển dịch mang tính bền vững hơn là chỉ một gián đoạn tạm thời.

4.2. *Phân mảnh địa chính trị*

Sự gia tăng căng thẳng địa chính trị, đặc biệt trong bối cảnh chiến tranh kinh tế giữa Mỹ và Nga đã và đang thúc đẩy quá trình phân mảnh địa kinh tế ngày càng rõ rệt trong hệ thống kinh tế toàn cầu. Theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) (2023), thế giới đang chứng kiến sự dịch chuyển từ trật tự kinh tế dựa trên hội nhập đa phương sang một cấu trúc phân tách theo các khối chính trị, trong đó các biện pháp trừng phạt, kiểm soát xuất khẩu và hạn chế đầu tư được sử dụng như một công cụ chiến lược. Báo cáo cũng nhấn mạnh rằng các chính sách thương mại và tài chính mang động cơ an ninh quốc gia ngày càng suy yếu tính phổ quát của các thể chế đa phương như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (WB).

Mặc dù xu hướng gắn kết giữa các quốc gia đối tác có thể giúp chuỗi cung ứng bền vững hơn trước rủi ro địa chính trị, nhưng đồng thời khiến kinh tế toàn cầu kém hiệu quả và nghèo hơn do chi phí tăng và lợi thế so sánh suy giảm. Tương tự, cả “xu hướng chuyển sang xuất sang nước đối tác” và “đưa hoạt động kinh doanh về nước gần nhà” đều ưu tiên an ninh thương mại hơn lợi nhuận, khiến quyết định sản xuất mang tính chính trị thay vì thuần túy kinh tế, từ đó

làm giảm hiệu quả toàn cầu. Khi khả năng điều phối hợp tác toàn cầu bị hạn chế bởi các liên minh đối lập thay vì vận hành dựa trên nguyên tắc tối huệ quốc và tự do thương mại phổ quát, hệ thống kinh tế đang chuyển sang các cơ chế ưu đãi có chọn lọc theo khối địa chính trị.

Tương tự, một nghiên cứu của WB chỉ ra rằng các dòng thương mại và FDI đang được tái cấu trúc theo các mạng lưới “đồng minh”, làm gia tăng mức độ tập trung thương mại nội khối và giảm giao thương xuyên khối. Xu hướng chuyển sang xuất sang nước đối tác không chỉ phản ánh nỗ lực giảm thiểu rủi ro địa chính trị mà còn góp phần hình thành các “khối kinh tế” đối lập, trong đó các quốc gia ưu tiên trao đổi với các đối tác có cùng định hướng chính trị. Trong bối cảnh chiến tranh kinh tế Mỹ – Nga, các lệnh trừng phạt tài chính, cơ chế áp trần giá dầu và hạn chế tiếp cận hệ thống thanh toán quốc tế đã làm nổi bật vai trò của kinh tế như một công cụ quyền lực, đồng thời đẩy nhanh quá trình phân tách cấu trúc thương mại và đầu tư toàn cầu. Do đó, phân mảnh địa chính trị không chỉ là hệ quả phụ của xung đột mà đang trở thành đặc trưng cấu trúc của trật tự kinh tế quốc tế hậu tự do hóa.

4.3. Khủng hoảng mô hình toàn cầu hóa tự do

Tiếp nối quá trình phân mảnh chuỗi cung ứng và sự hình thành của các khối kinh tế đối lập, một hệ quả sâu xa hơn của chiến tranh kinh tế Mỹ – Nga là khủng hoảng mô hình toàn cầu hóa tự do, trong đó logic thị trường dần bị thay thế bởi logic mang tính an ninh. Trật tự kinh tế hậu Chiến tranh Lạnh vốn dựa trên giả định rằng hội nhập kinh tế và phụ thuộc lẫn nhau sẽ thúc đẩy ổn định và tối đa hóa hiệu quả phân bổ nguồn lực. Mặc dù chưa có bằng chứng rõ ràng cho sự tái tổ chức lớn của chuỗi cung ứng quốc tế theo hướng tái định cư hoặc phân mảnh địa kinh tế. Tuy nhiên, theo Báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (2025) cho biết, sự chững lại của tỷ lệ thương mại thế giới trên GDP đã được quan sát thấy kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008-2009 cho thấy sự chậm lại của quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Cũng có những dấu hiệu cho thấy một số phản ứng chính sách mới được thực hiện hoặc xem xét đang định hình lại khung pháp lý của chuỗi cung ứng và trở thành động lực chính của các quyết định chiến lược dài hạn tiềm năng của các công ty. Các chính phủ đang tái định nghĩa ưu tiên chính sách từ hiệu quả thị trường sang an ninh kinh tế, đặc biệt trong các lĩnh vực chiến lược như năng lượng, bán dẫn và khoáng sản quan trọng. OECD chỉ ra sự gia tăng của các biện pháp kiểm soát đầu tư, trợ cấp công nghiệp có mục tiêu và đa dạng hóa nguồn cung nhằm giảm phụ thuộc vào các đối tác bị coi là rủi ro địa chính trị. Điều này cho thấy sự thay đổi mang tính cấu trúc: quyết định kinh tế ngày càng được đánh giá qua lăng kính an ninh quốc gia thay vì lợi thế so sánh thuần túy.

Tương tự, Joel Slawotsky (2025) lập luận rằng khái niệm “an ninh quốc gia” trong luật và chính sách kinh tế quốc tế đã được mở rộng đáng kể trong bối cảnh cạnh tranh cường quốc, cho phép các quốc gia hợp thức hóa các biện pháp hạn chế thương mại và đầu tư dưới danh nghĩa bảo vệ lợi ích chiến lược [26]. Việc mở rộng này làm xói mòn ranh giới giữa chính sách kinh tế

và chính sách an ninh, qua đó làm suy yếu nền tảng chuẩn tắc của tự do hóa kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh Mỹ – Nga, các công cụ như loại Nga khỏi hệ thống thanh toán quốc tế, đóng băng tài sản và kiểm soát xuất khẩu công nghệ đã minh chứng rõ ràng cho quá trình “an ninh hóa” kinh tế. Do đó, khủng hoảng của toàn cầu hóa tự do không chỉ là sự gián đoạn tạm thời, mà là sự chuyển dịch cấu trúc sang một trật tự kinh tế nơi quyền lực nhà nước và tính toán an ninh định hình các quyết định thương mại và đầu tư quốc tế.

5. Trừng phạt kinh tế: Công cụ quyền lực hay con dao hai lưỡi?

5.1. *Lập luận ủng hộ trừng phạt*

Trừng phạt kinh tế trước hết cần được nhìn nhận như một công cụ chiến lược nhằm tác động trực tiếp đến quá trình ra quyết định của quốc gia mục tiêu. Theo Hufbauer, Schott, Elliott và Oegg (2008), hiệu quả của trừng phạt không chỉ được đo bằng mức độ suy giảm GDP, thiệt hại thương mại hay suy thoái kinh tế, mà quan trọng hơn nằm ở khả năng đặt các nhà lãnh đạo của quốc gia bị trừng phạt trước một lựa chọn mang tính chiến lược: tiếp tục duy trì hành vi bị cộng đồng quốc tế phản đối và chấp nhận tổn thất kinh tế ngày càng lớn, hay điều chỉnh chính sách để giảm bớt áp lực từ bên ngoài [10]. Khi bị hạn chế tiếp cận các thị trường xuất khẩu quan trọng, nguồn vốn quốc tế, hệ thống thanh toán toàn cầu hoặc các công nghệ then chốt, quốc gia vi phạm buộc phải đối mặt với sự suy giảm năng lực kinh tế, áp lực đối với ngân sách nhà nước và nguy cơ gia tăng bất ổn chính trị trong nước. Trong nhiều trường hợp, những áp lực này có thể làm thay đổi tính toán chi phí – lợi ích của giới lãnh đạo, qua đó tạo động lực cho việc điều chỉnh hành vi trên trường quốc tế.

Bên cạnh chức năng gây sức ép trực tiếp lên quốc gia mục tiêu, trừng phạt kinh tế còn được nhiều học giả và nhà hoạch định chính sách ủng hộ vì được xem là một phương thức cưỡng chế có chi phí tổng thể thấp hơn đáng kể so với việc sử dụng vũ lực. Khác với chiến tranh vốn thường kéo theo tổn thất lớn về sinh mạng, khủng hoảng tị nạn, tàn phá cơ sở hạ tầng và những hệ lụy lâu dài đối với phát triển kinh tế – xã hội, trừng phạt kinh tế cho phép các quốc gia gây sức ép mà không phải trực tiếp sử dụng sức mạnh quân sự. Nhờ đó, xung đột có thể được duy trì ở ngưỡng phi quân sự, giảm thiểu nguy cơ leo thang thành chiến tranh toàn diện.

Trong những thập niên gần đây, sự phát triển của các hình thức “trừng phạt thông minh” càng củng cố lập luận ủng hộ công cụ này. Thay vì áp đặt các lệnh cấm vận toàn diện gây tác động rộng đến toàn bộ nền kinh tế, các gói trừng phạt hiện đại thường tập trung vào những đối tượng cụ thể như giới tinh hoa chính trị, các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức tài chính hoặc những lĩnh vực chiến lược có liên quan trực tiếp đến năng lực kinh tế và quân sự của quốc gia mục tiêu. Điều này giúp các biện pháp trừng phạt. Cách tiếp cận này giúp nâng cao mức độ chính xác và hiệu quả của biện pháp chế tài, khi áp lực kinh tế được tập trung trực tiếp vào những tác nhân có khả năng ảnh hưởng đến quá trình hoạch định chính sách. Đồng thời, việc

tập trung vào các nút thắt chiến lược của nền kinh tế như tài chính, công nghệ cao hoặc năng lượng cũng làm gia tăng khả năng gây gián đoạn đối với năng lực kinh tế và công nghiệp của quốc gia mục tiêu, từ đó củng cố vai trò của trừng phạt như một công cụ cưỡng chế có tính toán trong chính sách đối ngoại.

Từ góc nhìn của quốc gia áp đặt, trừng phạt kinh tế cũng được xem là công cụ tương đối hiệu quả về mặt chi phí. Trừng phạt kinh tế có mức độ linh hoạt cao: các biện pháp có thể được điều chỉnh, mở rộng, tăng cường hoặc dỡ bỏ từng phần tùy theo sự thay đổi hành vi của quốc gia mục tiêu. Tính linh hoạt này cho phép các quốc gia áp đặt duy trì đòn bẩy chính sách trong thời gian dài mà không phải đối mặt với những hệ lụy chính trị và tài chính nặng nề thường gắn liền với việc khởi động hay chấm dứt một cuộc chiến tranh.

Tóm lại, trừng phạt kinh tế không chỉ mang ý nghĩa biểu tượng mà là một công cụ chiến lược có tính toán, kết hợp giữa rắn đe và quản trị rủi ro. Bằng cách gia tăng chi phí cho hành vi vi phạm trong khi hạn chế tối đa tổn thất nhân mạng và tài chính của bên áp đặt, trừng phạt tạo ra một phương án cưỡng chế trung gian, đủ sức ép để định hình hành vi song đồng thời không đẩy hệ thống quốc tế vào vòng xoáy xung đột vũ trang toàn diện.

5.2. *Lập luận phê phán*

Ở góc nhìn đối lập, trừng phạt kinh tế của Mỹ không chỉ là công cụ gây sức ép song phương mà còn tạo ra những hệ quả cấu trúc đối với trật tự kinh tế toàn cầu. Khi các thiết chế tài chính, tiền tệ và thương mại toàn cầu vốn được xây dựng dưới danh nghĩa trung lập và phục vụ hội nhập được huy động như công cụ địa chính trị, điều này làm lộ rõ tính chất quyền lực của trật tự kinh tế tự do do phương Tây dẫn dắt. Vì vậy, trừng phạt kinh tế không chỉ tác động đến Nga mà còn tạo ra những hệ quả dài hạn đối với cấu trúc và tính chính danh của hệ thống kinh tế toàn cầu.

Thứ nhất, nó thúc đẩy xu hướng “phi phương Tây hóa” hệ thống kinh tế quốc tế. Khi Mỹ và các đồng minh sử dụng các công cụ tài chính như đóng băng tài sản, loại khỏi hệ thống thanh toán quốc tế hay kiểm soát xuất khẩu công nghệ, điều này củng cố nhận thức rằng các hạ tầng kinh tế toàn cầu có thể bị “vũ khí hóa” phục vụ mục tiêu địa chính trị. Trong bối cảnh đó, nhiều nền kinh tế ngoài phương Tây bắt đầu tìm kiếm các cơ chế thay thế nhằm giảm phụ thuộc vào các thiết chế do phương Tây chi phối. Xu hướng phát triển các hệ thống thanh toán song song, tăng cường thanh toán bằng đồng nội tệ hoặc mở rộng hợp tác kinh tế Nam – Nam phản ánh nỗ lực xây dựng một không gian kinh tế đa cực hơn, trong đó quyền lực của các trung tâm tài chính truyền thống không còn tuyệt đối. Từ góc nhìn phê phán, chính việc “vũ khí hóa” các thiết chế kinh tế đã làm suy yếu tính phổ quát của chúng và thúc đẩy sự hình thành các cấu trúc kinh tế song song bên ngoài quỹ đạo phương Tây.

Thứ hai, sự trừng phạt làm dấy lên lo ngại về sự suy giảm vai trò trung tâm của đồng USD. Trong nhiều thập niên, vị thế của USD được duy trì không chỉ bởi sức mạnh kinh tế của Mỹ mà

còn bởi niềm tin rằng đồng tiền này đóng vai trò trung lập trong hệ thống tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, khi USD và các hạ tầng thanh toán liên quan được sử dụng như công cụ trừng phạt, điều đó làm lộ rõ tính chính trị của đồng tiền dự trữ toàn cầu. Dù trong ngắn hạn USD vẫn giữ vị thế thống trị nhờ quy mô thị trường tài chính Mỹ và độ sâu của hệ thống thanh khoản toàn cầu, việc sử dụng đồng USD như một công cụ cưỡng chế kinh tế đã khuyến khích nhiều quốc gia tìm cách đa dạng hóa dự trữ ngoại hối, mở rộng thanh toán song phương bằng nội tệ và thúc đẩy các cơ chế tài chính khu vực. Dưới lăng kính kinh tế chính trị phê phán, đây không chỉ là phản ứng trước các biện pháp trừng phạt mà còn là sự thách thức đối với trật tự tiền tệ quốc tế vốn dựa trên quyền lực của một đồng tiền duy nhất.

Cuối cùng, các biện pháp trừng phạt và cạnh tranh kinh tế giữa các cường quốc góp phần làm sâu sắc thêm xu hướng phân mảnh cấu trúc của kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh an ninh hóa kinh tế ngày càng gia tăng, các quyết định thương mại, đầu tư và chuỗi cung ứng không còn được định hình chủ yếu bởi lợi thế so sánh hay hiệu quả thị trường, mà ngày càng chịu sự chi phối của tính toán chiến lược và liên minh chính trị. Xu hướng chuyển dịch sản xuất sang các quốc gia “bằng hữu”, kiểm soát xuất khẩu công nghệ và trợ cấp công nghiệp mang động cơ địa chính trị cho thấy sự dịch chuyển từ một hệ thống kinh tế toàn cầu tích hợp cao sang cấu trúc các khối kinh tế cạnh tranh. Trong bối cảnh này, chuỗi cung ứng toàn cầu dần được tái cấu trúc theo các mạng lưới chính trị – an ninh thay vì logic thị trường thuần túy.

Những biến đổi này cho thấy trừng phạt kinh tế không chỉ là biện pháp gây sức ép ngắn hạn mà còn góp phần tái định hình nền tảng của toàn cầu hóa kinh tế. Khi các thiết chế và quy tắc của kinh tế quốc tế ngày càng bị chi phối bởi cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc, mô hình toàn cầu hóa tự do dựa trên giả định về thị trường mở và hợp tác đa phương dần mất đi tính ổn định. Do đó, sự gia tăng ngày càng cao của công cụ trừng phạt kinh tế và đối đầu kinh tế có thể xem như một biểu hiện của quá trình chuyển dịch sang trật tự kinh tế hậu tự do hóa, nơi quyền lực nhà nước và các toan tính an ninh định hình cách thức vận hành của thương mại, đầu tư quốc tế.

6. Đánh giá tổng hợp

Bài viết đặt ra hai câu hỏi trung tâm: các gói trừng phạt của phương Tây đã tác động như thế nào đến nền kinh tế Nga và hệ thống kinh tế quốc tế. Thực tế cho thấy các biện pháp trừng phạt tài chính, thương mại và công nghệ do Mỹ và EU dẫn dắt đã tạo ra sức ép đáng kể đối với nền kinh tế Nga. Việc hạn chế tiếp cận hệ thống tài chính quốc tế, nguồn vốn, công nghệ cao và các thị trường xuất khẩu quan trọng làm gia tăng chi phí kinh tế, thu hẹp dư địa chính sách và gây áp lực lên năng lực công nghiệp cũng như ngân sách nhà nước của Nga. Đồng thời, các biện pháp này cũng tạo ra hiệu ứng lan tỏa đối với hệ thống kinh tế toàn cầu khi làm gián đoạn chuỗi cung ứng, gia tăng chi phí giao dịch và thúc đẩy xu hướng an ninh hóa các dòng chảy thương mại, tài chính và công nghệ.

Đứng trước các biện pháp trừng phạt này, Nga cũng thực hiện hàng loạt các chính sách nhằm đáp trả cũng như thích nghi với bối cảnh quốc tế đang có xu hướng ngày càng phân mảnh. Trước sức ép trừng phạt toàn diện, Nga đã triển khai nhiều chiến lược thích ứng nhằm giảm thiểu tác động và tái cấu trúc quan hệ kinh tế đối ngoại. Các chính sách như thúc đẩy phi đô la hóa, mở rộng thanh toán bằng nội tệ trong thương mại quốc tế, tăng cường hợp tác với các nền kinh tế ngoài quỹ đạo phương Tây và củng cố vai trò của các cơ chế hợp tác như BRICS cho thấy nỗ lực tái định vị Nga trong cấu trúc kinh tế toàn cầu. Đồng thời, việc chuyển hướng thương mại và năng lượng sang các thị trường châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ, phản ánh khả năng thích ứng nhất định của nền kinh tế Nga trước các cú sốc địa kinh tế, qua đó góp phần thúc đẩy quá trình tái cấu trúc các mạng lưới thương mại và tài chính toàn cầu.

Từ hai khía cạnh trên, bài viết cũng dẫn đến vấn đề cốt lõi: liệu trừng phạt kinh tế còn là một công cụ hiệu quả trong bối cảnh thế giới ngày càng “cục bộ hóa”, hay chính chúng đang góp phần làm suy yếu trật tự kinh tế tự do do phương Tây dẫn dắt. Có thể thấy rằng trong ngắn hạn, trừng phạt vẫn phát huy hiệu quả khi tạo ra sức ép đáng kể lên quốc gia mục tiêu thông qua việc hạn chế tiếp cận thị trường, vốn và công nghệ, qua đó làm gia tăng chi phí kinh tế và thu hẹp không gian chính sách của nhà nước. Tuy nhiên, trong dài hạn, việc ngày càng thường xuyên sử dụng các công cụ tài chính, thương mại và công nghệ như vũ khí địa kinh tế có nguy cơ làm xói mòn chính những nền tảng của trật tự kinh tế tự do. Khi các thiết chế tài chính, chuỗi cung ứng và dòng chảy thương mại bị chi phối bởi các tính toán địa chính trị, hệ thống kinh tế quốc tế có xu hướng dịch chuyển từ trạng thái hội nhập cao sang cấu trúc phân mảnh theo các khối kinh tế – chính trị. Trong bối cảnh đó, trừng phạt kinh tế vừa là công cụ quyền lực hiệu quả trong ngắn hạn, vừa có thể trở thành một nhân tố thúc đẩy sự biến đổi cấu trúc của trật tự kinh tế toàn cầu.

Nghiên cứu này được tiến hành với sự tài trợ của Khoa Quốc tế – Đại học Huế, trong Đề tài nghiên cứu khoa học giảng viên, mã số: KQT.GV.24.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arnold & Porter. (2024). *Russia's access to IT services and software restricted*. <https://www.arnoldporter.com/en/perspectives/advisories/2024/06/russias-access-to-it-services-and-software-restricted>.
2. Babina, T., Itskhoki, O., Mylovanov, T., Ribakova, E., & Volosovych, V. (2024). *Challenges of export controls enforcement: How Russia continues to import components for its*

- military industry*. KSE Institute; International Working Group on Russian Sanctions. <https://kse.ua/wp-content/uploads/2024/01/Challenges-of-Export-Controls-Enforcement.pdf>.
3. Báo Nhân Dân. (2022). Nga nâng lãi suất chủ chốt lên 20%. <https://nhandan.vn/nga-nang-lai-suot-chu-chot-len-20-post687385.html>.
 4. BRICS kêu gọi một trật tự kinh tế công bằng và cân bằng hơn. (2025). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <https://www.sbv.gov.vn/vi/w/brics-k%C3%AAu-g%E1%BB%8Di-m%E1%BB%99t-tr%E1%BA%ADt-t%E1%BB%B1-kinh-t%E1%BA%BF-c%C3%B4ng-b%E1%BA%B1ng-v%C3%A0-c%C3%A2n-b%E1%BA%B1ng-h%C6%A1n-1>.
 5. European Commission. (2025). *Sanctions: Dual-use goods and technology related to Russia*. <https://commission.europa.eu/topics/eu-solidarity-ukraine/eu-sanctions-against-russia-following-invasion-ukraine/sanctions-dual-use-goods>.
 6. Farrell, H., & Newman, A. (2019). Weaponized interdependence: How global economic networks shape state coercion. *International Security*. <https://doi.org/10.1111/joms.12933>.
 7. Gaur, A., Settles, A., & Vääänen, J. (2023). Do economic sanctions work? Evidence from the Russia-Ukraine conflict. *Journal of Management Studies*. <https://www.imf.org/en/news/articles/2024/05/07/sp-geopolitics-impact-global-trade-and-dollar-gita-gopinath>.
 8. Gopinath, G. (2024). Geopolitics and its impact on global trade and the dollar. International Monetary Fund. <https://www.imf.org/en/news/articles/2024/05/07/sp-geopolitics-impact-global-trade-and-dollar-gita-gopinath>.
 9. Hồng Nhung. (2024). Bị Mỹ và phương Tây "cắt đứt" một mạch máu, Nga gặp khó đủ đường. *MarketTimes*. <https://markettimes.vn/bi-my-va-phuong-tay-ca-dut-mot-mach-mau-nga-gap-kho-du-duong-105912.html>.
 10. Hufbauer, G. C., Schott, J. J., Elliott, K. A., & Oegg, B. (2007). *Economic sanctions reconsidered* (3rd ed.). Peterson Institute for International Economics.
 11. IEA. (2026). *Oil Market Report – February 2026*.

12. Ismailov, A. (2022). As Western firms flee Russia, many workers' futures are uncertain. *openDemocracy*. <https://www.opendemocracy.net/en/odr/western-firms-leave-russia-employees-future/>.
13. Kurmayer, N. J. (2022a). Timeline: The gas war between Russia and the West. *Euractiv*. <https://www.euractiv.com/news/timeline-the-gas-war-between-russia-and-the-west/>.
14. Lall, A. (2024). Geopolitical fragmentation. *First Citizens*. <https://www.firstcitizensgroup.com/lc/2024/11/05/geopolitical-fragmentation/>.
15. Lao Động. (2025). Nga lập đỉnh dự trữ vàng - ngoại hối giữa lúc 300 tỷ USD vẫn bị đóng băng. <https://laodong.vn/the-gioi/nga-lap-dinh-du-tru-vang-ngoai-hoi-giua-luc-300-ti-usd-van-bi-dong-bang-1551156.ldo>.
16. Linh. (2024). Xu hướng phi đô la hóa: Cơ hội và thách thức trong bối cảnh kinh tế toàn cầu mới. Viện Nghiên cứu Phát triển phương Đông (RDI). <https://ordi.vn/xu-huong-phi-do-la-hoa-co-hoi-va-thach-thuc-trong-boi-can-kinh-te-toan-cau-moi.html>.
17. Lowe, V., & Tzanakopoulos, A. (2010). Economic warfare. In R. Wolfrum (Ed.), *Max Planck Encyclopedia of Public International Law*. Oxford University Press.
18. Macikenaite, V. (2020). China's economic statecraft: The use of economic power in an interdependent world. *Journal of Contemporary East Asia Studies*.
19. MarketTimes. (2025). Bị Mỹ và phương Tây "cắt đứt" một mạch máu, Nga gặp khó đủ đường.
20. Mbah, R. E., & Wasum, D. F. (2024). The impact of the Russia-Ukraine conflict on the global energy market: A review. *Heliyon*. <https://markettimes.vn/bi-my-va-phuong-tay-ca-dut-mot-mach-mau-nga-gap-kho-du-duong-105912.html>.
21. Pak, O., & Kretzschmar, G. L. (2016). Western sanctions: Only half the challenge to Russia's economic union. *Research in International Business and Finance*. <https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2016.06.003>.
22. Reuters. (2026b). Russia: Many restaurants, cafes close as consumption stalls amid major slowdown. <https://www.reuters.com/business/russia-many-restaurants-cafes-close-consumption-stalls-amid-major-slowdown-2026-02-19/>.
23. Russia Energy Profile: Sanctions Shift Trade to Asia - Analysis. (2026). *Eurasia Review*.

24. Russia Under Sanctions: Diversifying Trade Routes to the East. (2025). Robert Lansing Institute.
25. Savic, B. (2026). Russia's economy faces years of low growth. *GIS Reports Online*.
26. Slawotsky, J. (2025). Conceptualizing national security in an era of great power rivalry. Springer Nature.
27. Solomon, R. (2026). Iran, China and Russia sign trilateral strategic pact. *Middle East Monitor*. <https://www.middleeastmonitor.com/20260129-iran-china-and-russia-sign-trilateral-strategic-pact/>.
28. Spiro, D. (2023). *Economic warfare*. CESifo Working Paper Series No. 10443.
29. Trần, T. D. T. (2024). Tác động hợp tác kinh tế Nga – Trung Quốc trong bối cảnh trừng phạt của phương Tây. *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*.
30. U.S. Department of the Treasury. (2024). As Russia transitions to a war economy, Treasury takes massive action to deprive Russia of tools for its war. <https://home.treasury.gov/news/press-releases/jy2404>.
31. U.S. Energy Information Administration. (2015). Oil and natural gas sales accounted for 68% of Russia's total export revenues in 2013. <https://www.eia.gov/todayinenergy/detail.php?id=22392>.
32. U.S. Energy Information Administration. (2022). How much petroleum does the United States import and export? <https://www.eia.gov/todayinenergy/detail.php?id=11011>.
33. Van der Horst, R. (2023). Illegal, unless: Freezing the assets of Russia's central bank. *European Journal of International Law*.
34. VietnamPlus. (2025). EU thông qua gói trừng phạt thứ 19 đối với Nga, đẩy nhanh lệnh cấm LNG. <https://www.vietnamplus.vn/eu-thong-quua-goi-trung-phat-thu-19-doi-voi-nga-day-nhanh-lenh-cam-lng-post1072055.vnp>.
35. Volchkova, N., Kuznetsova, P., & Turdeyeva, N. (2018). Losers and winners of Russian countersanctions: A welfare analysis. *FREE Policy Brief*.
36. Wolf Theiss. (2024). EU to expand dual-use goods export control and sanctions regimes.

37. Wolfram, C., Johnson, S., & Rachel, L. (2022). The price cap on Russian oil exports, explained. Harvard Kennedy School.